

“TÔN GIÁO, DÂN CHỦ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ”:

Mấy kinh nghiệm từ Việt Nam

Giáo sư, Tiến sĩ ĐỖ QUANG HƯNG*

(Đại học Quốc gia Hà Nội)

I. NHẬN THỨC

1.1. Phương diện thứ nhất, “Tôn giáo và dân chủ” hiện nay, nhìn chung, đó là những vấn đề giao điểm giữa tôn giáo và các vấn đề xã hội. Trong các xã hội Âu – Mỹ thì đó là các vấn đề xã hội có liên quan đến tôn giáo như nạo phá thai, hôn nhân đồng tính, nghiên cứu tế bào gốc và những tranh luận bất tận về quan hệ Giáo hội và Nhà nước. Còn trong các xã hội châu Á thì có vẻ như những vấn đề tôn giáo và đời sống công cộng (public life) lại sôi nổi hơn.

Một thuận lợi cho Việt Nam là đường hướng xây dựng một đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chắc chắn có tác động tích cực với quá trình này.

1.2. Phương diện thứ hai, dường như luận đề của John Locke xưa kia, các tôn giáo có được quyền khẳng định quyền lực dân sự (civil power). Xã hội dân sự (civil society) là triết lý và kinh nghiệm của Âu – Mỹ. Nhưng dù sao, hôm nay nó đã và đang “trở thành vấn đề” của nhiều xã hội châu Á. Liên quan đến vấn đề cực quan trọng này, ở Việt Nam những năm gần đây, thuật ngữ chính trị - tôn giáo được nói đến ngày càng nhiều là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và tôn giáo (Socialist Rule of Law and Religion).

* Tham luận tại: Conference on “Religion, Democracy, and Civil Society” and events on “Religion and Rule of Law” on October 7-15, 2012, at Brigham Young University, Provo, Utah and Washington, D.C.

Tuy vậy, vấn đề địa vị pháp lý của “xã hội dân sự”, nghĩa là những lực lượng thuộc “quyền lực xã hội” (social power), ngoài nhà nước, thì ở Việt Nam cũng còn là một quá trình. Nhưng phải nói thêm rằng, trong hệ thống chính trị (political system) hiện nay, có ý nghĩa tương đương với khái niệm thiết chế chính trị (political institution), ở Việt Nam cũng đã có mặt nhiều các nhân, đại diện các tổ chức tôn giáo tham gia, kể cả cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội (National Assembly).

1.3. Vấn đề tôn giáo, dân chủ và xã hội dân sự ở Việt Nam còn phải nhìn ở góc độ từ phía các tôn giáo. Cho đến nay, nếu như “tỉ lệ quy thuộc tôn giáo” (religious appartment) ở các nước Đông Á và Việt Nam ở mức độ không quá cao, nghĩa là “tính thế tục” (secularity) rõ nét, trong khi đó, phần lớn các nước Đông Nam Á lại gọi là “rất tôn giáo” (religionality). Nói điều này để thấy rằng, trong mối quan hệ tôn giáo và nhà nước, dù Việt Nam có hệ thống tôn giáo phong phú, lâu đời và xu thế đa nguyên tôn giáo (religious pluralism) đang lộ rõ, thì việc thúc đẩy quá trình dân chủ hóa về mặt tôn giáo cũng tồn tại những vấn đề cố hữu của nó.

II. CHỌN MẪU NGHIÊN CỨU

Quá trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo của Việt Nam bắt đầu từ cuối 1990 với Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam. Tính đến nay, trên phương diện luật pháp và tôn giáo (Law and Religion) có 02 văn bản, 02 sự kiện xã hội và tôn giáo quan trọng, hiệu quả nhất. Riêng với lĩnh vực luật pháp tôn giáo, đó là sự kiện có tính chất bước ngoặt.

2.1. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (ORDINANCE ON BELIEF AND RELIGION) được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (The Socialist Republic of Vietnam) thông qua ngày 18/6/2004. Một

văn bản qua 11 năm chuẩn bị, trực tiếp soạn thảo gần 4 năm (2001-2004), với 22 bản Dự thảo.

2.2. *Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác với đạo Tin Lành* (Instruction of the Prime Minister on some tasks regarding Protestantism), mang số 01/2005 CT-TTg, ban hành ngày 04/02/2005. Một bản Chỉ thị ra đời giữa lúc “vấn đề phát triển đột biến” của đạo Tin Lành đang diễn ra tại Việt Nam.

III. PHÂN TÍCH NỘI DUNG

3.1. Về *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*

Văn bản này có 6 chương, 41 điều, nhưng theo chúng tôi có 3 vấn đề pháp lý tôn giáo quan trọng được đề cập:

- *Thứ nhất*, 5 điều kiện công nhận các tổ chức tôn giáo và quy định hoạt động của chúng (chương 3, gồm 9 điều)
- *Thứ hai*, những quy định về tài sản tôn giáo (chương 4, gồm 8 điều)
- *Thứ ba*, quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo (chương 5, gồm 4 điều)

Chúng tôi cho rằng, văn bản này là một bước tiến quan trọng của quá trình xây dựng và thực hiện luật pháp tôn giáo ở Việt Nam. Trong đó, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của người dân, nói cách khác là quá trình dân chủ hóa xã hội về mặt tôn giáo đã được thể chế hóa hợp lý hơn rất nhiều. Một văn bản tiếp theo thể hiện quyết tâm của Chính phủ là việc ban hành kịp thời Nghị định 22, *Hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (Government Decree on guidance for implementation of a number of Articles of the Ordinance on Belief and Religion) ban hành ngày 01/3/2005.

Sau 7 năm thực hiện, nhìn lại, chúng tôi thấy rằng, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo cũng chưa thể giải quyết hết được những vấn đề của thực tiễn đời sống tôn giáo đặt ra. Chẳng hạn, những quy định về “hoạt động tôn giáo”, còn thiếu những điều khoản quy định về sự hiện diện chính trị xã hội của các tổ chức tôn giáo; hay nói cách khác là tôn giáo và đời sống công cộng (public life).

Việc công nhận các tổ chức tôn giáo là một đặc điểm quan trọng của tiến trình luật pháp tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Nhưng trung tâm của vấn đề này lại là ở phương diện *Tư cách pháp nhân* của các tổ chức tôn giáo ấy. Bởi vì chỉ với “*pháp nhân tôn giáo*” đích thực thì các tổ chức tôn giáo (bao gồm các Giáo hội, Giáo đoàn, nhà chùa, nhà thờ,... mới có tư cách pháp nhân, với ý nghĩa một tổ chức xã hội có quyền hạn và năng lực sử dụng quyền lợi. Đây là một trong những điểm mấu chốt hiện nay về tiến trình dân sự hóa các tổ chức tôn giáo trong khuôn khổ của việc hình thành và thực thi xã hội dân sự.

3.2. Về Chỉ thị 01 – Một số công tác đối với Đạo Tin Lành (2005)

Người Việt Nam mới biết đạo Tin Lành hơn 100 năm nay. Nhưng trước thời điểm có Chỉ thị này, ở Việt Nam, cộng đồng Tin Lành đã đạt đến con số trên 1 triệu người, với trên dưới 60 hệ phái, đặc biệt phát triển trong khu vực dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đã có rất nhiều cuộc tranh luận trong giới học thuật và các cơ quan quản lý về bản chất hiện tượng, nhất là về việc hoạch định chính sách với nó. Bản thân tôi cũng có nhận xét rằng, lúc ấy, Việt Nam đang có “món nợ pháp lý”. Một thời gian rất dài từ 1957, Chính phủ chỉ công nhận 6 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo,...), Tin Lành có mặt trong số đó, nhưng thực tế là chỉ thừa nhận 01 hệ phái mà thôi (Hội thánh Tin Lành Việt Nam, gọi theo tiếng Anh là nhóm Christianity and Missionary Alliance).

Bản Chỉ thị quan trọng này đã mở ra việc công nhận, đến năm 2009 là 10 hệ phái, với khoảng 1,4 triệu tín hữu. Tôi cũng muốn đưa thêm một thông tin với quý vị: Hội thánh Mormons, không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh vốn đã có từ trước 1975, nay một cộng đồng nhỏ bé hơn đã được công nhận ngay tại Hà Nội và có những hoạt động khá thuận lợi.

Nói tóm lại, với 2 văn bản nói trên, thực tế ở Việt Nam đã diễn ra cái mà xã hội học tôn giáo gọi là “tái cấu hình tôn giáo” (religious reconfiguration). Bộ mặt tôn giáo ở đất nước chúng tôi ngày càng có sự hiện diện xã hội rõ hơn. Nếu sự phát triển của thị trường tôn giáo (religious market) là một trong những tiêu chí của sự biến đổi nhu cầu, tâm thức tôn giáo của nhân loại hiện nay và sự dân chủ hóa trong sự lựa chọn tuyên tín (confession), sự cải đạo,... thì điều đó cũng đang diễn ra khá sôi động ở Việt Nam.

IV. VẤN ĐỀ HIỆN TẠI

4.1. Việc giải quyết mối quan hệ tôn giáo và dân chủ; tôn giáo và xã hội dân sự tất nhiên cũng đang diễn ra ở Việt Nam. Trong đó, nổi bật vẫn là quá trình tiếp tục thể chế hóa quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, dù bản thân nội dung của những khái niệm này ở đất nước chúng tôi còn phải tiếp tục trao đổi và hoàn thiện.

Trong việc đổi mới về chính sách tôn giáo, thực tế là nhà nước cũng đang nỗ lực theo hướng tương thích (compatible) với luật pháp quốc tế, mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

4.2. Nếu luật pháp tôn giáo là một công cụ quan trọng của việc thừa nhận vai trò của các tổ chức tôn giáo trong xã hội/xã hội dân sự cũng như trong việc giải quyết quan hệ nhà nước – giáo hội, thì Việt Nam cũng đã có những kết quả quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền về tôn

giáo. Điều này có thể coi là một điều kiện tiên quyết để tiến tới việc các tổ chức tôn giáo thực sự được coi là một thành tố của xã hội dân sự.

4.3. Còn rất nhiều việc phải làm trong quá trình này. Một vài vấn đề hạn chế của hai văn bản nói trên mà chúng tôi có đề cập, hy vọng nó cũng gợi những suy nghĩ về điều này. Ở Việt Nam hiện nay, đang tích cực triển khai việc sửa đổi Hiến pháp 1992; sửa đổi và hoàn thiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo cũng như Nghị định 22,... Phải chăng đó cũng là những dấu hiệu tích cực?

Hà Nội, 03/10/2012